- 'Why is Tam absent today?' 'He may be sick, but I'm not sure.'

('Tại sao Tâm vắng mặt hôm nay?' 'Anh ấy có thể bị bệnh, nhưng tôi không biết chắc.')

2/ 'Can / Could': Chúng ta có thể dùng *'Can / Could + subject + bare infinitive'* trong câu hỏi để lịch sự yêu cầu ai làm việc gì. Ví dụ:

- Can/Could you wait for me a minute, please?

(Xin ông vui lòng chờ tôi một phút?)

- Can/Could you help me carry this bag?

(Anh giúp tôi xách cái túi này được không ạ?)

Chúng ta cũng có thể dùng *'Can / Could'* trong câu hỏi để lịch sự xin phép làm điều gì. Ví dụ:

- Can I help you, Madam?

(Cho phép tôi giúp Bà được không ạ?)

- Could I use your phone, please?

(Cho phép tôi dùng điện thoại của ông được không ạ?)

GRAMMAR EXERCISES

EXERCISE 1: Lan is a tourist guide. She is speaking to her customers about the itinerary of the trip. Complete the sentences using the right form of the present simple of the following verbs. (Lan là một hướng dẫn viên du lịch. Cô ấy đang nói chuyện với khách hàng về lộ trình của chuyến đi. Hãy hoàn thành câu bằng cách dùng hình thức thích hợp của thì hiện tại đơn với các động từ sau.)

check	*arrive*	~~*start*~~	*stop*	*leave*
meet	*take*	*get*	*reach*	*have*

1. The trip ___*starts*___ on Friday morning.
2. Everybody _____ on the coach by six o'clock a.m.
3. The coach _____ at a roadside restaurant at 7.30.
4. We _____ breakfast and get on the coach again after 30 minutes.
5. We _____ in Phan Rang at about 11.30 and have lunch there.
6. The coach _____ for Nha Trang at 12.00.
7. We _____ Nha Trang at about 2.00 p.m.
8. Everybody _____ in at the hotel then.
9. You _____ a short rest after checking in.
10. We _____ again for dinner at 6 p.m. And ...

LIVEWORKSHEETS

EXERCISE 2: Complete the sentences using the gerund of the following verbs. Use each verb only once. (Hoàn thành câu bằng cách dùng hình thức 'gerund' của các động từ sau. Dùng mỗi động từ chỉ một lần.)

wait	*find*	*run*	~~*listen*~~	*disturb*
knock	*work*	*sit*	*be*	*quarrel*

1. Do you like _____*listening*_____ to the news on the radio?
2. I dislike _____ with people who are lazy.
3. I enjoy _____ a member of the school's football team.
4. I hate _____ people when they are busy.
5. I love _____ in the garden when it is fine.
6. We started _____ along the streets when it suddenly rained.
7. They continued _____ until after midnight.
8. I got tired of _____, so I left.
9. You must never come in this room without _____ first.
10. Did your sister succeed in _____ a good job?

EXERCISE 3: Complete each blank in the passage with the gerund of one of the following verbs. Use each verb only once. (Hãy hoàn thành mỗi khoảng trống trong đoạn văn bằng hình thức 'gerund' của một trong các động từ sau. Dùng mỗi động từ chỉ một lần.)

have	*do*	~~*fish*~~	*catch*
catch	*fish*	*sit*	

(1) _____*Fishing*_____ is my favorite sport. I often fish for hours without (2) _____ anything. But this does not worry me. Some fishermen are unlucky. Instead of (3) _____ fish, they catch old boots and rubbish. I am even less lucky. I never catch anything – not even old boots. After (4) _____ spent whole mornings on the river, I always go home with an empty bag. 'You must give up fishing!' my friends say. 'It's a waste of time.' But they don't realize one important thing. I'm not really interested in (5) _____ . I am only interested in (6) _____ in a boat and (7) _____ nothing at all!

EXERCISE 4: Read the situations and make questions with 'May', 'Can' or 'Could' as directed. (Hãy đọc tình huống rồi đặt câu hỏi với 'May', 'Can' hoặc 'Could' như được hướng dẫn.)

Example: You want to go out of the class for a moment. You say to the teacher:

May ...*I go out for a moment, Miss*..... ?

LIVEWORKSHEETS

1. You want to have another piece of cake. You say to your Mom:
   May I ..... ?
2. You are at your friend's house, and you want to use his telephone. You say to him:
   Can I ..... ?
3. *You do not understand well what the teacher has just explained, so you ask* her to do it again. You say:
   Could you ..... ?
4. You are studying but your brother is turning up the television. You say to him:
   Can you ..... ?
5. You don't know if you can use your dictionary to do the test. You ask your teacher:
   May I ..... ?
6. You are lost and you want to ask the way to the nearest bus station. You ask a policeman:
   Could you ..... ?
7. You are at the library and you want to borrow a book home. You ask the librarian:
   May I ..... ?
8. You do not know how to use the new camera. You ask your father:
   Could you ..... ?
9. Your teacher asks you to do an exercise, but you want to do it later. You ask her:
   May I ..... ?
10. You forgot to bring your pen, so ask your friend to lend you her pen. You say:
    Can you ..... ?

EXERCISE 5: Choose the word or phrase (A, B, C or D) that best completes each of the following sentences. (Hãy chọn từ hoặc nhóm từ thích hợp (A, B, C hoặc D) để hoàn thành mỗi câu sau.)

Example: The traffic is always heavy _____ Monday mornings.

A. in B. at C. on D. for

Đáp án: C. on

1. After _____ at her watch, she hurried to the office.
   A. look B. to look C. looking D. she look
2. _____ the piano is something Jane always enjoys.
   A. Practice B. Practicing C. To practicing D. She practicing

LIVEWORKSHEETS

3. I started to feel afraid of _____ out alone at night.
A. going B. to go C. go D. went

4. I _____ being away from my family.
A. dislike B. want C. would like D. refuse

5. Some students hate _____ homework.
A. do B. doing C. they doing D. to doing

6. My brother enjoys _____ in the country.
A. to live B. live C. lives D. living

7. Can _____ you after class, Mai?
A. see B. I to see C. I see D. I seeing

8. _____ you open the door for me, please?
A. Must B. Should C. Could D. May

9. According to the program, the concert _____ at 5.30 tomorrow evening.
A. start B. starts C. would start D. started

10. Tina is thinking _____ business in this country.
A. to do B. she doing C. she does D. of doing

EXERCISE 6: Choose the underlined part in each sentence that needs correcting. (Chọn phần gạch dưới cần phải sửa lại trong mỗi câu.)

Example: You are enough lucky to have very generous parents.
A B C D

Đáp án: B: phải sửa lại là: *lucky enough*

1. If you are interested in camp, you can join us this weekend.
A B C D

2. We may go to the beach this Sunday or we could stay home; I'm not sure.
A B C D

3. Should you please show me how to use this photocopy machine?
A B C D

4. I dislike to leave so early, but I'm afraid I have to.
A B C D

5. According to the itinerary, the ship arrives in Hai Phong on Saturday
A B C
and leaving on Monday.
D

LIVEWORKSHEETS